

SỬ DỤNG TIẾNG “LÓNG” - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ TÍCH CỰC VÀ TIÊU CỰC

ThS. ĐOÀN THỊ KIM NHUNG*

1. Hiện nay, trong giao tiếp, chúng ta thấy có không ít những hiện tượng thiếu trong sáng, sai chuẩn mực, việc xen kẽ những từ ngữ nước ngoài, sử dụng ngôn ngữ “chát”, ngôn ngữ kí hiệu,... Đặc biệt, việc lạm dụng tiếng “lóng” trong giao tiếp đang dần làm mất đi sự “giàu” và “đẹp”, mất đi sự trong sáng vốn có của tiếng Việt.

Có thể nói, việc sử dụng tiếng “lóng” không phải là hiện tượng mới trong xã hội, nhưng sử dụng tiếng “lóng” như thế nào lại là điều cần phải quan tâm. Hiện nay, vẫn tồn tại nhiều cách đánh giá khác nhau khi bàn về việc sử dụng tiếng “lóng”. Nhà nghiên cứu Lưu Văn Lăng và Hoàng Thị Châu (1) đã liệt tiếng “lóng” vào loại “không tốt đẹp” vì phạm vi lưu hành là trong đám người làm những nghề bất lương, bị xã hội ngăn cấm như bọn cờ bạc bịp, bọn ăn cắp, bọn buôn lậu. Đồng quan điểm này, tác giả Nguyễn Văn Tu cũng khẳng định: “Những tiếng ‘lóng’ này không làm cho ngôn ngữ phong phú thêm lên mà chỉ làm cho nó bị tê liệt với số lượng từ đông đảo, nay sinh mai chết”(2). Trong khi đó, lại có những ý kiến đề nghị chấp nhận tiếng “lóng” vì tiếng “lóng” bổ sung vào ngôn ngữ toàn dân. Trong hội nghị *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ* (tổ chức tại Hà Nội tháng 10/1979), tác giả Trịnh Liên đưa ra ý kiến “Không lên án toàn bộ song cũng không chấp nhận tất cả”. Trên cơ sở này, tác giả đề nghị, cần chấp nhận những tiếng “lóng” tốt, tích cực và bổ sung chúng vào vốn từ chung của ngôn ngữ toàn dân. Trần Văn Chánh (1979) cũng cho rằng, “đối với những tiếng ‘lóng’ đặt ra nhằm mục đích che đậy cái xấu thì nên bỏ hẳn, trừ một vài trường hợp cần thiết; đối với những từ không thuộc loại trên, chúng ta dùng nó cũng giống như dùng từ địa phương, từ bình dân thông tục”. Cũng cách nhìn này, nhưng khái quát hơn, tác giả Nguyễn Thiện Giáp đưa ra quan điểm, “chỉ nên lên án những tiếng ‘lóng’ thô tục, còn những tiếng ‘lóng’ không thô tục, là những tên gọi có hình ảnh của sự vật, hiện tượng nào đó thì có thể được phổ biến dần dần thâm nhập vào ngôn ngữ toàn dân. Trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, tiếng ‘lóng’ được dùng làm một phương tiện tu từ học để khắc họa tính cách và miêu tả hoàn cảnh sống của nhân vật”(3).

Dù được chấp nhận hay bị phản đối thì tiếng “lóng” của người Việt vẫn là một bộ phận của ngôn ngữ tiếng Việt. Bởi vậy, cần phải nhìn nhận đúng mặt tích cực cũng như chỉ ra những mặt tiêu cực để có những định hướng đúng trong việc sử dụng tiếng “lóng”.

2. Tiếng “lóng” - nhìn từ góc độ tích cực

2.1. *Tiếng “lóng” trong giao tiếp.* Trong xã hội hiện đại, ngôn ngữ phát triển và tiếng “lóng” tồn tại như một sự tất yếu. Đặc biệt tiếng “lóng” phát triển mạnh ở giới trẻ và hiện tượng này xảy ra ở tất cả các nước chứ không chỉ ở Việt Nam. Ở Mĩ, người ta gọi tiếng “lóng” là *ngôn ngữ đường phố, ngôn ngữ của giới trẻ*. Bởi vậy, có không ít tiếng “lóng” tồn tại khá dài theo thời gian và nó trở thành những từ thông thường được sử dụng như những từ khác trong nhiều giao tiếp. Trong một cuộc trắc nghiệm trên Internet, những người tham gia trả lời đều cho rằng mình vẫn sử dụng tiếng “lóng” và thường xuyên nghe thấy người khác cũng sử dụng tiếng “lóng”. Điều này hoàn toàn không bất ngờ, bởi tiếng “lóng” ngày càng trở nên quen thuộc với mọi người. Có lẽ, hầu hết các diễn đàn trên Internet, đặc biệt là các diễn đàn của giới trẻ, việc sử dụng tiếng “lóng” đã trở thành phổ biến. Nhiều thanh niên còn cho rằng, việc sử dụng tiếng “lóng” chính là sự thể hiện “ cá tính” của mình. Tiếng “lóng” nếu không mang ý nghĩa tục tĩu hay vượt xa các “khuôn phép” đạo đức thông thường thì nó cũng giống như những ngôn ngữ bình thường khác. Hơn nữa, họ cho rằng, việc thường xuyên sử dụng tiếng “lóng” sẽ cảm thấy thoải mái và làm cho cuộc giao tiếp trở nên sinh động. Ví dụ, học sinh, sinh viên thường nói “*Hôm nay tớ bị ăn ngỗng*” (2 điểm), “*Tớ vừa bị trượt vở chuối*” (hổng thi), “*cần bút*” (không làm được bài kiểm tra) hay “*lêch tú*” (học không đúng bài kiểm tra), “*trúng tú*” (đúng cái biết làm)... Nhiều tiếng “lóng” trở thành những đơn vị từ ngữ của toàn dân, được sử dụng rộng rãi, ví dụ: *xế* (xe), *a sé nôn* (nôn, ói, mửa), *ổ quý* (nơi chứa chấp và hành nghề mại dâm), *anh hùng xạ lộ* (kẻ đi xe máy phóng nhanh, vượt ẩu, thích đua xe), *bóc lịch* (bị bỏ tù), *dé* (điện thoại di động), *át chủ bài* (người, nhóm người hay một vật, một điều gì đó có vai trò quyết định trong

* Trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An

một việc, một thời điểm nào đó), *chém gió* (nói phét, nói xạo), *xế hộp* (xe ô-tô), *lính phòng không* (chưa vợ), *mít ướt* (dễ mũi lòng, dễ khóc), ...

Qua các ví dụ đã dẫn, ta thấy nếu tiếng “lóng” được đặt đúng ngữ cảnh, là tên gọi có hình ảnh của sự vật, hiện tượng, hay cách nói tránh, nói thân mật... thì việc sử dụng tiếng “lóng” trong giao tiếp làm cho cuộc thoại trở nên sinh động, hấp dẫn và tạo sự thân mật trong giao tiếp.

2.2. Tiếng “lóng” trong tác phẩm văn học. Trên thế giới, văn hào Pháp Victor Hugo (1802-1885) đã sử dụng tiếng “lóng” trong tác phẩm **Ngày cuối cùng của một tử tù** (1828), thậm chí còn dành hẳn cả quyển VII trong phần thứ tư của bộ tiểu thuyết đồ sộ nổi tiếng **Những người khốn khổ** (1861) để bàn luận về tiếng “lóng” và tác phẩm của ông đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

Ở Việt Nam, tiếng “lóng” cũng xuất hiện trong nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Trong **Truyện Kiều** của Nguyễn Du có đoạn: “*Này này sự đã quả nhiên/Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi/Bảo rằng đi dạo lấy người/Đem về rước khách kiêu lời mà ăn/Tuồng vô nghĩa ở bất nhân/Buồn mình trước đã tần mẩn thủ chơi/Màu hồ đã mất đi rồi/Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma/Con kia đã bán cho ta/Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây/Lão kia có giữ bài này/Chẳng vắng vào mặt mà mày lại nghe/Cớ sao chịu tốt một bề/Gái tơ mà đã ngựa nghề lắm sao!*”.

Có thể nói đây là một trong những đoạn hay nhất của **Truyện Kiều**. Với các tiếng “lóng”: *đi dạo, rước khách, buồn mình, màu hồ, bài này, chịu tốt, ngựa nghề, chơi, vắng*, Nguyễn Du đã giúp người đọc thấy được sự độc địa phát ra từ miệng Tú Bà lúc mụ “nổi tam bành” và thấy rõ hơn thế giới buôn bán son ở Việt Nam thế kỉ XIX. Bằng tài năng và sự sáng tạo của mình, khi sáng tác **Bỉ vỏ**, Nguyễn Hồng cũng đã để lại một lượng lớn tiếng “lóng” trong tác phẩm. Thậm chí nhiều câu đã được vẫn về: “*Không vòm, không sộp, không te/Niêng mუნ không có, ai mê nổi gì?*”.

Như vậy, xét về góc độ tích cực, nếu biết “*gạn đục, khơi trong*” thì tiếng “lóng” cũng đã góp vào kho từ vựng tiếng Việt một lượng từ không nhỏ, làm phong phú thêm vốn từ trong giao tiếp và tạo ra sự đặc sắc trong tác phẩm văn học.

3. Tiếng “lóng” - nhìn từ góc độ tiêu cực

3.1. Lạm dụng tiếng “lóng” trong giao tiếp.

Tiếng “lóng” mang tính khẩu ngữ, là ngôn ngữ phi quy thức. Giống như ngôn ngữ mạng, nó chỉ được dùng trong vui chơi, giải trí một cách thân mật, hoặc có thể dùng trong trường hợp cần nhấn mạnh điều gì đó, nhưng phải dùng trong văn cảnh phù hợp. Nhưng hiện

nay, tiếng “lóng” lại đang được sử dụng trong phạm vi giao tiếp chính thức, làm giảm tính chuẩn mực trong việc sử dụng ngôn ngữ. Những từ như *sến* (tình cảm ướt át), *chuối* (hành động nhằm chán không đâu vào đâu), *leng keng*, *chập cheng* (thần kinh có vấn đề), *dở hơi ản cá mợn* (kì cục), *đơ, tây tây, chập, leng keng, củ chuối, bã đậu, ám đầu, tanh, tanh tỏi, lạc bầy, nộp tiền ngu* (đánh giá về trí tuệ, tính tình), *phô tô, quay phim, xào, bắt đé, giầy bùa, cứu bồ, ruột mèo* (gian lận trong thi cử, kiểm tra), *bốc hơi* (biến mất), *đít chai* (kính), *đồ kẹo kéo, thằng đồ kẹo lắ m, sao mày kẹo thế* (kiệt sĩ, kì bo) *làm luật* (đưa tiền hối lộ),... được dùng quen thuộc đến độ khi yêu cầu người nói phải thay bằng một từ tương đương đã khiến không ít người lúng túng. Nhiều trường hợp tiếng “lóng” được sử dụng một cách thô tục. Kiểu như hỏi bạn bè đã ăn cơm chưa lại thành *Mày “đớp” chưa?*; hoặc rủ nhau đi ăn uống thì nói theo kiểu: “*Chào đại ca, chiều nay đội hình mình đi làm tí” máu nh*” (ăn tiết canh động vật), vào quán mì thì gọi: *Cho 2 cái hằm, 2 bộ hài cốt nghen...; rồi thêm “2 xí vô sinh” nữa...; - Chai, trời nóng mà mẩn “vô sinh” chi? cho 2 cái “bật nắp là thấy” đi...* (các món ăn trong quán mì gõ), và: *Này, đang ở đâu, “lét” đến chuồng tao rồi đi “hít”, bắn mấy “bi” nhé* (ý muốn rủ bạn đi uống nước, hút thuốc). Hay, trong ngôn ngữ giao tiếp qua điện thoại, các em “ám chỉ” bố mẹ bằng các từ ngữ: *bô lão, lão ông, lão bà, ma ma...* Trong trường học, có khi học sinh còn đặt “biệt danh” cho các thầy cô; chẳng hạn, tùy thuộc vào hình dáng của các thầy cô mà có *tên* như *cá bẫy màu, cây sậy, hạt mít, chú lùn*. Sinh viên tâm sự với nhau thì: *- Này, vụ vượt rào vừa rồi mày bị “tạch” mấy môn? - Ba, hai con ngỗng, một ghé đầu. Mua vé khứ hồi mất những ba chục nghìn tiền ngu, mà tao lại đang viêm màng túi. Sắp tới chắc phải xoi cơm tay cầm dài dài. - Bảo ông bà bô mày gửi đạn lên; - Các cụ còn kéo một đoàn tàu há mồm với rợ mồm dưới quê. Lâu lắm rồi không nhận được thuốc trắng; - Thế ghẹ của mày đâu?...*

Từ những ngữ điệu trên cho thấy, việc lạm dụng tiếng “lóng” trong giao tiếp đã và đang làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt, làm mất đi sự lịch sự trong giao tiếp và đang biến tiếng Việt thành một thứ ngôn ngữ khó hiểu không chỉ với người nước ngoài mà ngay cả với những người Việt Nam.

3.2. Lạm dụng tiếng “lóng” trên các phương tiện truyền thông. Báo chí nói riêng và các phương tiện thông tin nói chung được coi là công cụ vừa để phổ biến tiếng chuẩn của ngôn ngữ dân tộc, vừa để bảo vệ tiếng mẹ đẻ khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của các yếu tố ngoại lai, thế nhưng hiện nay trên các phương tiện thông tin việc sử dụng tiếng “lóng” đang ở mức báo

động. Có thể nói, trên các báo (từ báo viết đến báo nói, báo truyền hình hay báo điện tử), việc sử dụng tiếng "lóng" đã trở nên hiển nhiên. Có những tờ báo để tăng số lượng phát hành, không ngại ngần chọn các tiếng "lóng" như: *sốc, sex, sến, nón, chôm, ném đá, scandal...* làm tiêu đề, làm chuyên mục, bất chấp tôn chỉ mục đích xuất bản được in rõ ràng trong giấy phép. Bên cạnh đó, một số báo còn lạm dụng sử dụng tiếng "lóng" trong bất kì ngữ cảnh nào, ví dụ: *Thằng này mới vào nghề lớ ngớ, mấy "con mòng" gặp phúc. Một thằng chuyên cần địa, ngăn cản tầm nhìn của "con mòng" (con mòng: nạn nhân) (báo Thanh niên, 28/7/1994; - Các y, bác sĩ ở đây có thể chém những nhát ngọt xót mà các thượng đế vẫn phải cười cảm ơn rồi rít vì họ đã giúp mình gỡ được trái bom hẹn giờ phát nổ (Phá bom: nạo thai, chém: giá quá đắt, thượng đế: khách hàng (báo Tiền phong, 26/3/1996); - Nghe đâu có mấy vị mất toi cả chục "vé", mà vẫn phải ngâm bồ hòn (báo Thanh niên, số 6 / 1997); hoặc: Anh bạn tôi rút 2 "vé" đặt cửa trên l-ta-li-a chấp nửa trái đáý nhé (vé: 100 đô la) (báo Giáo dục và Thời đại, số 73/1997). Từ các ví dụ trên cho thấy, sử dụng lượng tiếng "lóng" trong một bài báo như một "con dao hai lưỡi", nếu sử dụng thích hợp sẽ làm cho giá trị của bài báo tăng lên, tác dụng tốt với đời sống xã hội; ngược lại, nếu dùng tràn lan các tiếng "lóng" sẽ phản tác dụng, tạo ra sự bức xúc cho người đọc, không hoàn thành trách nhiệm định hướng, giáo dục thẩm mỹ cho công chúng - đó chính là sự lệch chuẩn thẩm mỹ trên truyền thông.*

Tiếng "lóng" là một sản phẩm văn hóa tất yếu của một xã hội hiện đại, phức tạp, là một hiện tượng ngôn ngữ tất yếu không thể tránh được. Dù có mang nhiều khác biệt với so với ngôn ngữ toàn dân thì tiếng "lóng" vẫn nằm trong quy luật vận động chung của ngôn ngữ, cho nên việc sử dụng chúng là điều tất nhiên. Nhưng, không vì thế tiếng "lóng" lại được sử dụng tràn lan như hiện nay. Bởi vậy, đã đến lúc cần có sự vào cuộc của giới nghiên cứu ngôn ngữ, của truyền thông và các tổ chức xã hội,... để khảo sát, thống kê về việc sử dụng tiếng "lóng" trên hai phương diện tích cực và tiêu cực nhằm bảo vệ Tiếng Việt, "*thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc*"- như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. □

(1) Lưu Văn Lăng. **Khái luận ngôn ngữ học**. NXB Giáo dục, H. 1960.

(2) Nguyễn Văn Tu. **Từ vựng học tiếng Việt hiện đại**. NXB Giáo dục, H. 1976.

(3) Nguyễn Thiện Giáp. **Từ vựng học tiếng Việt**. NXB Giáo dục, H. 2002.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Thị Châu. **Tiếng Việt trên khắp miền đất nước**. NXB Khoa học xã hội, H. 1989.
2. Đái Xuân Ninh - Nguyễn Đức Dân - Nguyễn Quang - Vương Toàn. **Ngôn ngữ học, khuynh hướng - lĩnh vực - khái niệm** (tập 2). NXB Khoa học xã hội, H. 1986.
3. Nguyễn Du. **Truyện Kiều**. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. 2008.

SUMMARY

Slang is an inevitable cultural product of a complex modern society, an avoidable linguistic phenomenon. Although slang has many typical differences from a national language, it is still in the general movements of language. So it happens obvious to be used. However, slang is today used and wisely abused. Thus, it is high time, the authorities of government branches and organizations have to take their responsibilities to protect Vietnam language as a long-term precious treasure of Vietnamese people in accordance with our beloved President Ho Chi Minh's hope.

Giáo dục học sinh trung học...

(Tiếp theo trang 133)

để thực hiện bài học LS tại cụm DTLS - văn hóa Kim Liên - nơi sinh thành chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới. Vì "*Kim Liên trở thành trung tâm giáo dục truyền thống, nơi hội tụ tình cảm đồng chí đồng bào cả nước và bè bạn quốc tế*" (1; tr 36). □

(1) Tập san. **50 năm bảo tồn - tôn tạo Khu di tích Kim Liên (1956-2006)**, Kim Liên. 1960.

(2) Phan Huy Chú. **Lịch triều hiến chương loại chí** NXB Hà Nội. 1960.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. "*Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông - Những vấn đề chung*". Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý và giáo viên, 2013.

2. Phan Ngọc Liên (chủ biên). **Phương pháp dạy học Lịch sử** (tập 2). NXB Giáo dục, H. 2002.

3. Trần Minh Siêu (biên soạn). **Kim Liên trong lòng nhân dân và bầu bạn**. NXB Nghệ An, 1993.

SUMMARY

Monument Kim Lien is the national-level historical relic which is associated with the homeland, family childhood of President Ho Chi Minh. The paper presents the role of this site in educating student through upper secondary school. At the same time the authors also offer specific suggestions on how to conduct lessons at historical relics to contribute to the education and development of comprehensive younger generation.